

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HS-PT

Ngày: 16/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Ông Võ Văn Ngẫu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Lang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2020/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 đối bị cáo Phạm Thị Kim Y, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị Kim Y (E), sinh năm: 1964, tại: Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp E, xã E1, huyện Q, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E2 (đã chết) và E3 (đã chết); bị cáo có chồng tên E4, 04 người con; tiền án, tiền sự: Không, có mặt.

Ngoài ra, vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa tháng 5/2015, bị cáo Phan Thị Kim Y đã thực hiện hoạt động cho vay với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính trên địa bàn Huyện Q dưới hai hình thức: Vay trả tiền đứng và vay trả tiền góp.

Quá trình điều tra xác định bị cáo đã cho 15 người vay với tổng số tiền vốn vay là 411.000.000 đồng, tổng tiền lãi thu được là 223.110.000 đồng, trong đó: Tiền lãi thu đúng quy định là 37.198.355 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 185.911.645 đồng, cụ thể:

1. Bà Lê Thị D: Số tiền vay gốc là 45.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 16.400.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 2.738.800 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 13.661.200 đồng. Hiện tại, bà Sốt đã trả nợ gốc cho bị cáo Y số tiền là 33.000.000 đồng và còn nợ bị cáo số tiền là 12.000.000 đồng.

2. Anh Phạm Văn D1: Số tiền vay gốc là 3.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 800.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 133.600 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 666.400 đồng. Hiện anh Cường còn nợ 3.000.000 đồng tiền gốc.

3. Anh Nguyễn Văn D2: Số tiền vay gốc 90.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 48.100.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 8.032.700 đồng, tiền lãi thu lợi bất chính là 40.067.300 đồng. Hiện anh Phú đã trả nợ gốc cho bị cáo số tiền 13.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 77.000.000 đồng.

4. Chị Đặng Hồng D3: Số tiền vay gốc 6.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 6.000.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 1.002.000 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 4.998.000 đồng, chị Kim đã trả xong.

5. Chị Hồ Thị Ngọc D4: Số tiền vay gốc 25.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 19.400.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 3.239.800 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 16.160.200 đồng. Hiện chị Kim đã trả nợ gốc cho Yên số tiền 12.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 13.000.000 đồng.

6. Anh Nguyễn Trường D5: Số tiền vay gốc 57.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 37.850.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 6.320.950 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 31.529.050 đồng. Hiện anh Giang đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

7. Anh Lê Duy D6: Số tiền vay gốc 35.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 43.600.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy

định là 7.281.200 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 36.318.800 đồng. Hiện anh Tân đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

8. Anh Trà Văn D7: Số tiền vay gốc 57.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 10.000.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 1.670.000 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 8.330.000 đồng. Hiện anh Tươi còn nợ số tiền gốc của bị cáo là 57.000.000 đồng.

9. Anh Mã Văn D8: Số tiền vay gốc 8.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 15.900.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 2.655.300 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 13.244.700 đồng. Hiện anh Hòa còn nợ số tiền gốc của bị cáo là 8.000.000 đồng.

10. Anh Nguyễn Thanh D9: Số tiền vay gốc 10.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 9.500.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 1.586.500 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 7.913.500 đồng. Anh Dân đã trả nợ gốc cho bị cáo số tiền 7.000.000 đồng, còn nợ 3.000.000 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị D10: Số tiền vay gốc 16.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 1.600.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 267.200 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 1.332.800 đồng. Hiện bà Diệp đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

12. Chị Nguyễn Thị Ngọc D12: Số tiền vay gốc 24.000.000 đồng với hình thức trả góp, tiền lãi đã thu được là 1.560.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 199.505 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 1.360.495 đồng. Chị Lan đã trả nợ gốc cho bị cáo số tiền 13.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng.

13. Chị Nguyễn Thị Bích D11: Số tiền vay gốc 9.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 3.600.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 601.200 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 2.998.800 đồng. Chị Chi đã trả xong nợ gốc cho bị cáo.

14. Chị Nguyễn Thị Ngọc D13: Số tiền vay gốc 23.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 8.200.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 1.369.400 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 6.830.600 đồng. Chị Dung đã trả nợ gốc cho bị cáo số tiền là 15.000.000 đồng, còn nợ 8.000.000 đồng.

15. Anh Võ Huỳnh Tấn D14: Số tiền vay gốc 3.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/tháng, tiền lãi thu được là 600.000 đồng, gồm: Tiền lãi thu đúng quy định là 100.200 đồng và tiền lãi thu lợi bất chính là 499.800 đồng. Anh Triệu đã trả xong nợ gốc cho bị cáo.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 24-6-2020 của Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim Y (E) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thị Kim Y 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Công văn 212/TANDTC-PC ngày 13-9-2019.

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 486.000.000 đồng tiền dùng vào việc phạm tội.

- Buộc bị cáo phải giao nộp lại tiền thu lợi với mức lãi suất 20%/năm là: 36.998.850 đồng.

2.2. Buộc bị cáo trả lại cho người vay khoản tiền lãi thu lợi bất chính của người vay (tiền lãi đã thu với mức lãi suất trên 20%/năm sau khi khấu trừ vào số nợ gốc còn nợ).

2.3. Buộc những người vay trả cho bị cáo tiền vay còn nợ lại (sau khi khấu trừ tiền lãi thu lợi bất chính từ người vay vào số nợ gốc người vay còn nợ)

3. Về án phí:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.421.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bị cáo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý các vật chứng khác, kê biên tài sản và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, bị cáo Phan Thị Kim Y có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt. Tuy nhiên, có điều chỉnh bản án sơ thẩm về các biện pháp tư pháp cụ thể là số tiền bị cáo phải nộp vào Ngân sách Nhà nước vì trong số tiền gốc bị cáo đã bỏ ra cho vay có khoản tiền đã trả và chưa trả; về án phí bị cáo phải chịu án phí trên tổng số tiền thu lợi bất chính phải trả cho người vay và người vay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh, lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, điều chỉnh phần biện pháp tư pháp; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không cung cấp tình tiết mới.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015 đến tháng 8/2019, bị cáo Phan Thị Kim Y đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính dưới 02 hình thức: Vay đứng và vay trả góp. Vay đứng với mức lãi suất 10%/tháng cao gấp 6 lần và vay trả góp lãi suất 12%/28 ngày cao gấp 7,82 lần, 16%/58 ngày cao gấp 5,034 lần lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định. Cấp sơ thẩm xác định số tiền thu lợi bất chính là khoản tiền lãi với mức lãi suất vượt quá 20%/năm, tương đương vượt quá 1,67%/tháng, vượt quá 0,0548%/ngày với tổng số tiền 185.911.645 đồng và xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong một thời gian dài, đối với nhiều người, số tiền thu lợi bất chính lớn. Mặt khác, khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời xử phạt bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính răn đe và nghiêm minh của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[4] Mặc dù bản án sơ thẩm chỉ bị kháng cáo về phần hình phạt, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy phần biện pháp tư pháp và án phí của bản án sơ thẩm chưa chuẩn xác, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể buộc bị cáo giao nộp số tiền 486.000.000 đồng là số tiền gốc mà bị cáo cho vay với mức lãi suất 10%/tháng, 12%/28 ngày, 16%/58 ngày và buộc những người vay có trách nhiệm trả cho bị cáo số tiền còn nợ lại sau khi khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật (kể cả các khoản vay là giao dịch dân sự, không bị cấu thành tội phạm), đồng thời buộc những người vay phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, cần sửa phần biện pháp tư pháp và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

4.1 Phần biện pháp tư pháp:

4.1.1 Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Số tiền 219.000.000 đồng là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay và 37.198.355 là số tiền lãi bị cáo đã thu của người vay với mức lãi suất 20%/năm.

- Số tiền 192.000.000 đồng là số tiền vay gốc mà người vay còn nợ, trong đó: bà Lê Thị D: 12.000.000 đồng; anh Phạm Văn D1: 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn D2: 77.000.000 đồng; chị Hồ Thị Ngọc D4: 13.000.000 đồng; anh Trà Văn D7: 57.000.000 đồng; anh Mã Văn D8: 8.000.000 đồng; anh Nguyễn Thanh D9: 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc D12: 11.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc D13: 8.000.000 đồng.

4.1.2 Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền 185.911.645 đồng là tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi vượt quá 20%/năm, trong đó: Bà Lê Thị D: 13.661.200 đồng; anh Phạm Văn D1: 666.400 đồng; anh Nguyễn Văn D2: 40.067.300 đồng; chị Đặng Hồng D3: 4.998.000 đồng; chị Hồ Thị Ngọc D4: 16.160.200 đồng; anh Nguyễn Trường D5: 31.529.050 đồng; anh Lê Duy D6: 36.318.800 đồng; anh Trà Văn D7: 8.330.000 đồng; anh Mã Văn D8: 13.244.700 đồng; anh Nguyễn Thanh D9: 7.913.500 đồng; bà Nguyễn Thị D10: 1.332.800 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc D12: 1.360.495 đồng; chị Nguyễn Thị Bích D11: 2.998.800 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc D13: 6.830.600 đồng; anh Võ Huỳnh Tân D14: 499.800 đồng.

4.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 185.911.645 đồng phải trả cho những người vay.

Những người vay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.3 Ngoài ra, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Hành vi của bị cáo cho vay với mức lãi suất 8%/tháng, 6%/tháng và vay không lãi không cấu thành tội phạm nên không đặt ra xem xét giải quyết phân trách nhiệm dân sự trong cùng vụ án. Vì vậy, đối với vụ án này chỉ có 15 người vay tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Kim Y (E).

Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện Q, tỉnh Tây Ninh phần biện pháp tư pháp và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim Y (E) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thị Kim Y 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

2.1 Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 219.000.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu đồng) là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay.

- Buộc bị cáo giao nộp 37.198.355 (Ba mươi bảy triệu một trăm chín mươi tám nghìn ba trăm năm mươi lăm đồng) là số tiền thu lợi với mức lãi suất 20%/năm.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp số tiền vay gốc còn nợ lại:

- + Bà Lê Thị D: 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);
- + Anh Phạm Văn D1: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);
- + Anh Nguyễn Văn D2: 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng);
- + Chị Hồ Thị Ngọc D4: 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng);
- + Anh Trà Văn D7: 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng);
- + Anh Mã Văn D8: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng);
- + Anh Nguyễn Thanh D9: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);
- + Chị Nguyễn Thị Ngọc D12: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng);
- + Chị Nguyễn Thị Ngọc D13: 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

2.2 Buộc bị cáo trả lại cho những người vay 185.911.645 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu chín trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi lăm đồng) là tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi vượt quá 20%/năm, trong đó:

+ Bà Lê Thị D: 13.661.200 đồng (Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn hai trăm đồng);

+ Anh Phạm Văn D1: 666.400 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm đồng);

+ Anh Nguyễn Văn D2: 40.067.300 đồng (Bốn mươi triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm đồng);

+ Chị Đặng Hồng D3: 4.998.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng);

+ Chị Hồ Thị Ngọc D4: 16.160.200 đồng (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng);

+ Anh Nguyễn Trường D5: 31.529.050 đồng (Ba mươi một triệu năm trăm hai mươi chín nghìn không trăm năm mươi đồng);

+ Anh Lê Duy D6: 36.318.800 đồng (Ba mươi sáu triệu ba trăm mười tám nghìn tám trăm đồng);

+ Anh Trà Văn D7: 8.330.000 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng);

+ Anh Mã Văn D8: 13.244.700 đồng (Mười ba triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm đồng);

+ Anh Nguyễn Thanh D9: 7.913.500 đồng (Bảy triệu chín trăm mười ba nghìn năm trăm đồng);

+ Bà Nguyễn Thị D10: 1.332.800 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng);

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc D12: 1.360.495 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng);

+ Chị Nguyễn Thị Bích D11: 2.998.800 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi tám nghìn tám trăm đồng);

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc D13: 6.830.600 đồng (Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng);

+ Anh Võ Huỳnh Tấn D14: 499.800 đồng (Bốn trăm chín mươi chín nghìn tám trăm đồng).

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.
- Bị cáo phải chịu 9.295.582 đồng (Chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi hai đồng).

3.2 Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Vụ 1 – TANDTC;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng KTNV TAND tỉnh TN;
- Phòng PV06 CA tỉnh TN;
- TAND Huyện DMC
- CCTHADS Huyện DMC;
- VKSND Huyện DMC;
- Công an Huyện DMC;
- Bị cáo;
- Những NLQ;
- Tòa Hình sự;
- Lưu HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thu Trang